

UBND THÀNH PHỐ CHÍ LINH
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG KHỐI 5 (TUẦN 30 - NĂM HỌC 2024 -2025)

TT	Trường	Số lớp	Số HS	Số HS khảo sát	Điểm bình quân			Điểm 9; 10			Điểm dưới 5			Tổng XT	XT chung
					Tổng điểm	Trung bình	XT	SL	Tỉ lệ	XT	SL	Tỉ lệ	XT		
1	TH Chu Văn An	8	301	294	2379	8.091	1	103	35.03	1	17	5.78	1	3	1
2	TH Lê Lợi	5	157	153	1135	7.421	3	38	24.84	3	10	6.54	3	9	2
3	TH Sao Đỏ	5	149	146	1120	7.668	2	39	26.71	2	13	8.90	5	9	2
4	TH Cộng Hòa	8	287	285	2072	7.261	4	58	20.35	4	22	7.72	4	12	4
5	TH Đồng Lạc	4	131	129	930	7.209	5	19	14.73	8	8	6.20	2	15	5
6	TH Bến Tắm	3	98	97	697	7.184	6	16	16.49	7	12	12.37	6	19	6
7	TH Phả Lại	9	321	318	2244	7.057	7	56	17.61	5	40	12.58	7	19	6
8	TH&THCS Nhân Huệ	2	56	54	374	6.917	8	9	16.67	6	9	16.67	9	23	8
9	TH&THCS Hoa Thám	2	56	55	369	6.700	9	6	10.91	10	11	20.00	12	31	9
10	TH Cổ Thành	4	149	146	977	6.689	10	12	8.22	14	23	15.75	8	32	10
11	TH Văn An	4	147	144	953	6.618	11	13	9.03	12	25	17.36	10	33	11
12	TH Chí Minh	6	206	201	1310	6.519	12	15	7.46	15	36	17.91	11	38	12
13	TH Bắc An	4	112	109	697	6.398	13	12	11.01	9	35	32.11	16	38	12
14	TH Hoàng Tiến	4	123	123	769	6.252	14	9	7.32	16	29	23.58	13	43	14
15	TH&THCS Hoàng Tân	3	103	101	585	5.790	16	7	6.93	17	31	30.69	14	47	15
16	TH An Lạc	3	112	109	621	5.701	17	9	8.26	13	42	38.53	18	48	16
17	TH&THCS Thái Học	2	71	69	402	5.825	15	4	5.80	18	24	34.78	17	50	17
18	TH Tân Dân	4	152	150	811	5.404	20	14	9.33	11	65	43.33	20	51	18
19	TH Hưng Đạo	3	102	102	577	5.658	18	4	3.92	20	32	31.37	15	53	19
20	TH Văn Đức	5	169	169	930	5.501	19	7	4.14	19	67	39.64	19	57	20